

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 49

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 08 tháng 09 năm 2015.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: **Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company**, tên viết tắt là: **NHABECO**.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thập	Thành viên
	Ông Bùi Tấn Tài	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Kiều Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Thập	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Số: 294/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 49, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Phan Thị Xuân Diệu**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2742-2015-137-1

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.652.866.416.498	1.250.091.813.579
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	103.977.942.158	46.203.334.462
1. Tiền	111		103.977.942.158	45.703.334.462
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		800.627.381.000	462.618.285.599
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5:2	649.415.339.459	368.047.542.640
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		81.719.521.898	44.985.778.336
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	70.773.723.214	49.584.964.623
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(1.281.203.571)	-
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	716.056.207.902	647.365.507.180
1. Hàng tồn kho	141		718.261.464.058	650.464.574.413
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.205.256.156)	(3.099.067.233)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		32.204.885.438	93.904.686.338
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	15.732.063.351	13.090.603.129
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.702.012.873	67.884.784.087
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	1.770.809.214	12.929.299.122
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		630.403.702.522	560.826.491.806
I Các khoản phải thu dài hạn	210		56.769.114.822	50.336.335.729
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	56.769.114.822	50.336.335.729
II Tài sản cố định	220		269.443.321.464	269.023.257.820
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5:6	244.692.035.196	241.015.428.273
- Nguyên giá	222		717.405.098.456	688.253.427.509
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(472.713.063.260)	(447.237.999.236)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	24.751.286.268	28.007.829.547
- Nguyên giá	228		41.254.610.032	40.978.782.924
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.503.323.764)	(12.970.953.377)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		20.636.297.712	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.636.297.712	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	245.895.803.579	200.425.871.825
1. Đầu tư vào công ty con	251		152.908.200.274	102.053.268.520
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		58.861.989.920	71.086.989.920
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		34.125.613.385	27.285.613.385
VI Tài sản dài hạn khác	260		37.659.164.945	41.041.026.432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	37.659.164.945	41.041.026.432
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.283.270.119.020	1.810.918.305.385

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.960.866.006.869	1.505.175.910.963
I- Nợ ngắn hạn	310		1.859.708.010.448	1.416.205.172.929
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	280.376.891.231	231.374.586.309
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.699.375.125	16.035.239.608
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	6.287.873.733	9.387.478.002
4. Phải trả người lao động	314		90.327.994.229	118.276.086.008
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	39.966.664.735	33.138.080.284
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	12.054.922.758	4.899.609.401
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	21.527.938.855	12.564.627.513
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	1.341.689.955.034	936.937.742.161
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	39.860.750.361	39.171.767.442
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		17.915.644.387	14.419.956.201
II- Nợ dài hạn	330		101.157.996.421	88.970.738.034
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.9	1.023.054.500	375.597.034
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.12	22.869.583.121	22.205.546.226
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	4.794.960.183	6.879.272.774
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	72.470.398.617	59.510.322.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		322.404.112.151	305.742.394.422
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	322.404.112.151	305.742.394.422
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.399.897.713	31.399.897.713
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		109.004.214.438	92.342.496.709
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		46.842.496.709	30.036.586.261
- LNST chưa phân phối kì này	421b		62.161.717.728	62.305.910.448
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.283.270.119.020	1.810.918.305.385

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Phát



Thân Phạm Tiến



Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	3.123.967.323.694	3.085.978.518.777
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		12.519.468.292	17.827.685.241
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	3.111.447.855.402	3.068.150.833.536
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	2.427.132.305.555	2.443.213.745.303
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		684.315.549.847	624.937.088.233
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	39.802.025.492	53.272.808.507
7. Chi phí tài chính	22	5.20	37.958.539.184	58.389.233.407
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>27.196.296.899</i>	<i>24.729.849.454</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	318.423.145.833	267.136.099.674
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	286.281.458.842	272.849.244.910
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		81.454.431.480	79.835.318.748
11. Thu nhập khác	31	5.23	8.045.175.772	9.884.461.560
12. Chi phí khác	32	5.23	963.696.142	1.671.859.001
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		7.081.479.630	8.212.602.559
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		88.535.911.110	88.047.921.307
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	14.533.866.193	13.874.218.365
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		74.002.044.917	74.173.702.942

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Phát



Thân Phạm Tiên



 Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

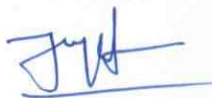
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	88.535.911.110	88.047.921.307
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	60.059.850.846	58.651.973.654
- Các khoản dự phòng	3	1.076.375.413	10.997.744.003
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản	4	4.420.701	16.069.842.221
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(44.875.491.289)	(26.512.935.796)
- Chi phí lãi vay	6	27.196.296.899	24.729.849.454
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	131.997.363.681	171.984.394.843
- Biến động các khoản phải thu	9	(304.764.446.949)	256.879.673.335
- Biến động hàng tồn kho	10	(77.557.810.616)	72.966.468.986
- Biến động các khoản phải trả	11	242.964.942	(84.516.312.451)
- Biến động chi phí trả trước	12	740.401.265	(2.583.591.197)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(27.196.296.899)	(24.729.849.454)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.410.622.862)	(9.239.640.633)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.344.639.000)	(9.619.746.232)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(301.293.086.439)	371.141.397.196
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(70.388.405.584)	(70.666.492.046)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	47.833.658.280	3.793.710.510
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(13.972.000.000)	(20.902.324.250)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.050.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.978.908.380	25.123.892.231
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.547.838.924)	(58.601.213.555)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.873.901.912.524	2.434.604.876.172
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.456.187.974.110)	(2.783.616.622.588)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.500.000.000)	(45.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	372.213.938.414	(394.511.746.416)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	57.373.013.051	(81.971.562.775)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	46.203.334.462	127.376.857.314
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	401.594.645	798.039.923
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	103.977.942.158	46.203.334.462

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập



Huỳnh Văn Phát

Kế toán trưởng



Thân Phạm Tiên

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 08 tháng 09 năm 2015.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	1.780.000	17.800.000.00	9,78%
Công ty CP TM & Vận tải Biển Bom	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	11.330.878	113.308.780.000	62,26%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/12/2017: 5.090 người (31/12/2016 là: 5.762 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm thêu;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;

...

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con	
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	51,00%
Công ty CP May Đà Lạt	55,00%
Công ty CP May Bình Định	51,84%
Công ty CP May An Nhơn	51,00%
Công ty CP May Tam Quan	51,00%
Công ty CP May Gia Lai	51,00%
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	70,00%
Công ty CP May Hậu Giang - Nhà Bè	71,24%
Công ty CP May Gia Phúc	87,50%
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	55,67%
Công ty CP May Đức Linh - Nhà Bè	67,49%
Công ty liên kết	
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%
Công ty CP Truyền Thông và Du lịch NBC	42,99%
Công ty CP Truyền Thông Nhà Bè	46,70%
Công ty CP May Nam Định	49,86%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	28,58%
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%
Công ty CP Xây Lấp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%
Công ty CP May Sông Tiền	43,89%
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%

Các đơn vị phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Hà Nội (Đồng phục)

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Hải Phòng

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Nam Định

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh UK

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 31/12/2017.

(ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 31/12/2017.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2016.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

Tài sản cố định vô hình

	Năm 2017
	Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...
Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả các Công ty con, các Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm, Tổng Công ty chỉ hoạt động chủ yếu sản xuất, gia công hàng may mặc, địa điểm hoạt động tại Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	7.891.633.416	6.278.917.380
Tiền gửi ngân hàng	96.086.308.742	39.424.417.082
Các khoản tương đương tiền (*)	-	500.000.000
Tổng	103.977.942.158	46.203.334.462

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	649.415.339.459	368.047.542.640
CANDA	11.083.856.521	13.974.624.537
MOTIVES	28.235.125.479	-
PROMINENT/ITOCU	15.415.427.039	-
JC PENNY	38.194.011.787	7.798.740.722
PVH	11.615.072.263	2.181.935.804
ARCADIA	35.438.604.139	4.315.349.450
BMB Clothing Group	41.026.113.023	34.535.871.481
DEBENHAMS RETAIL	11.696.120.262	8.283.312.401
GENEROS	24.262.890.217	18.175.759.929
PRIMARK	30.502.851.190	1.678.978.260
RIVER	11.445.596.543	-
Công ty CP May Gia Phúc	26.683.331.045	-
VINATEX (VSC)	57.867.174.827	-
Phải thu các đối tượng khác	305.949.165.124	277.102.970.056
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	649.415.339.459	368.047.542.640

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Phải thu khác

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	70.773.723.214	-	49.584.964.623	-
- Phải thu bảo hiểm	3.114.195.227	-	445.755.928	-
- Ứng tiền đầu tư dự án Sóc Trăng	8.008.336.539	-	-	-
- Bùi Thị Mỹ Linh	7.000.000.000	-	-	-
- Công ty CP May Hoài Ân	2.000.000.000	-	-	-
- Phải thu tạm ứng	4.983.945.884	-	5.527.760.897	-
- Phải thu các công ty con, liên kết	27.765.050.741	-	13.339.550.299	-
- Ứng tiền dự án Đức Linh	-	-	22.137.605.938	-
- Phải thu bán nguyên phụ liệu	1.944.509.732	-	-	-
- Phải thu lãi	3.078.582.192	-	-	-
- Ký quỹ ký cược	206.220.750	-	1.272.939.948	-
- Phải thu khác	12.672.882.149	-	6.861.351.613	-
Dài hạn	56.769.114.822	-	50.336.335.729	-
- Ký quỹ ký cược	3.608.553.672	-	2.275.424.624	-
- Công ty CP May Phù Cát	6.340.275.000	-	8.453.700.000	-
- Mua đất dự án Long Thới	34.296.286.150	-	34.296.286.150	-
- Phải thu các công ty con, liên kết	12.000.000.000	-	2.032.033.497	-
- Phải thu khác	524.000.000	-	3.278.891.458	-
Tổng	127.542.838.036	-	99.921.300.352	-

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	48.892.618	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	283.958.158.096	-	280.467.654.420	(513.300.955)
Công cụ, dụng cụ	1.723.446.437	-	1.441.587.636	-
Chi phí SX KDDD	282.076.937.654	-	232.812.847.191	-
Thành phẩm	64.199.534.486	(483.098.881)	69.767.281.234	(746.842.109)
Hàng hóa	10.203.082.128	(1.327.544.905)	7.863.161.353	(827.974.100)
Hàng gửi bán	76.051.412.639	(394.612.370)	58.112.042.579	(1.010.950.069)
Tổng	718.261.464.058	(2.205.256.156)	650.464.574.413	(3.099.067.233)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	15.732.063.351	13.090.603.129
Chi phí bảo hiểm	2.233.803.198	2.279.383.617
Chi phí CCDC	1.413.352.130	1.470.711.214
Máy móc thiết bị	123.752.795	14.995.758
Phân bổ phụ tùng	2.583.395.106	1.099.368.292
Chi phí quảng cáo	637.226.281	678.877.934
Chi phí sửa chữa	1.434.168.096	731.179.139
Chi phí thuê mặt bằng	5.334.584.957	2.885.814.629
Tiền thuê đất	-	170.047.300
Khác	1.971.780.788	3.760.225.246
b) Dài hạn	37.659.164.945	41.041.026.432
Chi phí thuê đất	15.155.559.928	15.647.352.416
Chi phí CCDC	5.549.377.559	5.655.271.104
Chi phí quảng cáo	485.542.942	1.020.949.366
Chi phí sửa chữa	9.582.003.213	8.633.962.955
Chi phí phụ tùng	1.361.996.696	2.714.254.708
Tài sản giảm theo thông tư 45	-	132.390.401
Máy móc thiết bị	5.126.761.558	6.316.070.067
Khác	397.923.049	920.775.415
Tổng	53.391.228.296	54.131.629.561

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	237.472.051.401	411.960.675.739	27.146.229.360	11.674.471.009	688.253.427.509
Tăng trong năm	12.776.458.162	52.639.628.597	10.820.726.992	467.632.917	76.704.446.668
Mua trong năm	-	50.792.367.856	8.450.028.195	467.632.917	59.710.028.968
Xây dựng cơ bản hoàn thành	12.776.458.162	1.847.260.741	2.370.698.797	-	16.994.417.700
Giảm trong năm	-	47.519.077.021	-	33.698.700	47.552.775.721
Thanh lý nhượng bán	-	47.519.077.021	-	33.698.700	47.552.775.721
Số dư tại 31/12/2017	250.248.509.563	417.081.227.315	37.966.956.352	12.108.405.226	717.405.098.456
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	131.383.971.445	288.323.165.309	18.562.053.698	8.968.808.784	447.237.999.236
Tăng trong năm	15.498.874.307	36.883.777.869	2.713.501.669	1.007.862.833	56.104.016.678
Khấu hao trong năm	14.914.047.501	36.883.777.869	2.713.501.669	1.007.862.833	55.519.189.872
Tăng khác	584.826.806	-	-	-	584.826.806
Giảm trong năm	-	30.595.253.954	-	33.698.700	30.628.952.654
Thanh lý nhượng bán	-	30.595.253.954	-	33.698.700	30.628.952.654
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	146.882.845.752	294.611.689.224	21.275.555.367	9.942.972.917	472.713.063.260
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	106.088.079.956	123.637.510.430	8.584.175.662	2.705.662.225	241.015.428.273
Tại ngày 31/12/2017	103.365.663.811	122.469.538.091	16.691.400.985	2.165.432.309	244.692.035.196

Nguyên giá của tài sản cố định đã hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2017: 295.675.197.455 đồng (tại ngày 31/12/2016: 288.146.496.479 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2017 là 52.627.936.321 đồng.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu, hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2017	13.161.700.385	5.838.965.451	21.978.117.088	40.978.782.924
Tăng trong năm	-	-	3.024.622.222	3.024.622.222
Mua mới trong năm	-	-	3.024.622.222	3.024.622.222
Giảm trong năm	2.748.795.114	-	-	2.748.795.114
Thanh lý nhượng bán	2.748.795.114	-	-	2.748.795.114
Số dư tại 31/12/2017	10.412.905.271	5.838.965.451	25.002.739.310	41.254.610.032
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2017	2.300.177.924	4.315.707.765	6.355.067.688	12.970.953.377
Tăng trong năm	433.591.634	583.896.564	2.938.345.970	3.955.834.168
Khấu hao trong năm	433.591.634	583.896.564	2.938.345.970,00	3.955.834.168
Giảm trong năm	423.463.781	-	-	423.463.781
Thanh lý nhượng bán	423.463.781	-	-	423.463.781
Số dư tại 31/12/2017	2.310.305.777	4.899.604.329	9.293.413.658	16.503.323.764
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	10.861.522.461	1.523.257.686	15.623.049.400	28.007.829.547
Tại ngày 31/12/2017	8.102.599.494	939.361.122	15.709.325.652	24.751.286.268



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Tên công ty	Tỷ lệ		31/12/2017 (VND)				01/01/2017 (VND)			
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	
Đầu tư vào Công ty con				152.908.200.274	-	-	102.053.268.520	-	-	
1 Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	51,00%	51%	1.275.000	12.750.000.000	-	-	12.750.000.000	-	-	
2 Công ty CP May Đà Lạt	55,00%	55%	581.765	5.817.648.520	-	-	5.817.648.520	-	-	
3 Công ty CP May Bình Định	51,84%	52%	1.153.562	11.535.620.000	-	-	11.535.620.000	-	-	
4 Công ty CP May An Nhơn	51,00%	51%	765.000	7.650.000.000	-	-	7.650.000.000	-	-	
5 Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	0,00%	0%	-	-	-	-	2.550.000.000	-	-	
6 Công ty CP May Tam Quan	51,00%	51%	1.530.000	15.300.000.000	-	-	15.300.000.000	-	-	
7 Công ty CP May Gia Lai	51,00%	51%	765.000	7.650.000.000	-	-	7.650.000.000	-	-	
8 Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	70,00%	70%	700.000	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000	-	-	
9 Công ty CP May Hậu Giang - Nhà Bè	71,24%	71,24%	2.310.000	27.782.000.000	-	-	21.600.000.000	-	-	
10 Công ty CP May Gia Phúc	87,50%	87,50%	1.020.000	17.500.000.000	-	-	10.200.000.000	-	-	
11 Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	55,67%	55,67%	1.670.000	16.700.000.000	-	-	-	-	-	
12 Công ty CP May Đức Linh - Nhà Bè	67,49%	67,49%	2.322.293	23.222.931.754	-	-	-	-	-	
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				58.861.989.920	7.563.360.000	-	71.086.989.920	-	-	
1 Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%	33,19%	922.382	9.223.819.263	7.563.360.000	-	9.223.819.263	-	-	
2 Công ty CP May Nam Định	49,86%	49,86%	388.917	3.889.170.657	-	-	3.889.170.657	-	-	
3 Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	28,58%	28,58%	342.900	3.429.000.000	-	-	3.429.000.000	-	-	
4 Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	150.000	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000	-	-	
5 Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	0,00%	0,00%	-	-	-	-	9.000.000.000	-	-	
6 Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%	29,99%	300.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	-	-	
7 Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	43,89%	1.536.000	15.360.000.000	-	-	15.360.000.000	-	-	
8 Công ty Cổ phần Truyền thông & Du lịch NBC	42,99%	42,99%	1.440.000	14.400.000.000	-	-	13.460.000.000	-	-	
9 Công ty Cổ phần Truyền thông Nhà Bè	46,70%	46,70%	56.000	560.000.000	-	-	-	-	-	
10 Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%	25,00%	750.000	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000	-	-	
11 Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	0,00%	0,00%	-	-	-	-	4.725.000.000	-	-	



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Tên công ty	Tỷ lệ		31/12/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)			
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác				34.125.613.385	1.530.000.000	-	27.285.613.385	1.530.000.000	-
Đầu tư trái phiếu				1.530.000.000	1.530.000.000	-	1.530.000.000	1.530.000.000	-
1 Công ty CP May An Nhơn				1.530.000.000	1.530.000.000		1.530.000.000	1.530.000.000	-
Đầu tư khác				32.595.613.385	-	-	25.755.613.385	-	-
1 Công ty CP May Việt Thắng (Vigaco)	2,67%	2,67%		5.337.100.000	-	-	3.747.100.000	-	-
2 Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	18,13%	18,13%		5.802.843.385	-	-	5.802.843.385	-	-
3 Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,45%	6,45%		7.161.920.000	-	-	7.161.920.000	-	-
4 Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	2,04%	2,04%		3.480.000.000	-	-	3.480.000.000	-	-
5 Công ty CP May Nam Định	18,59%	18,59%		1.338.750.000	-	-	1.338.750.000	-	-
6 Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	5,00%		4.225.000.000	-	-	4.225.000.000	-	-
7 Công ty CP Thương Mại Bán Lê Nhà Bè	19,45%	19,45%		5.250.000.000	-	-	-	-	-
Tổng				245.895.803.579	9.093.360.000	-	200.425.871.825	1.530.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2017, Giá hợp lý của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh Nhà Bè thấp hơn giá gốc tuy nhiên kết quả kinh doanh không bị lỗ nên không thực hiện trích lập dự phòng.

(**) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư còn lại để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Phải trả người bán

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	280.376.891.231	280.376.891.231	231.374.586.309	231.374.586.309
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	8.481.939.054	8.481.939.054	5.589.136.748	5.589.136.748
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	9.173.315.480	9.173.315.480	-	-
Công ty CP May Gia Lai	11.612.883.727	11.612.883.727	9.466.548.521	9.466.548.521
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	9.183.944.951	9.183.944.951	8.836.411.752	8.836.411.752
Công ty CP May Phù Cát	12.010.430.818	12.010.430.818	-	-
Công ty CP May Tam Quan	12.519.303.216	12.519.303.216	15.028.832.427	15.028.832.427
Công ty CP May Tây Sơn	7.617.743.899	7.617.743.899	2.087.143.842	2.087.143.842
Công ty TNHH May XK Việt Thành	9.087.374.664	9.087.374.664	9.453.972.475	9.453.972.475
Kufner Hong Kong Ltd.	7.442.729.479	7.442.729.479	6.918.474.710	6.918.474.710
Motives (Far East) Ltd.	7.561.243.477	7.561.243.477	12.717.532.195	12.717.532.195
Phải trả các nhà cung cấp khác	185.685.982.466	185.685.982.466	161.276.533.639	161.276.533.639
a) Dài hạn	1.023.054.500	1.023.054.500	375.597.034	375.597.034
Công ty CP Long Phương Đông	1.023.054.500	1.023.054.500	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	-	-	375.597.034	375.597.034
Tổng	281.399.945.731	281.399.945.731	231.750.183.343	231.750.183.343

5.10 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017 VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.071.470.743	20.212.691.826	20.133.725.113	3.150.437.456
Thuế XNK	1.132.565.453	81.285.910	1.204.421.019	9.430.344
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.996.493.875	14.533.866.193	16.410.622.862	119.737.206
Thuế thu nhập cá nhân	3.004.462.769	8.209.309.413	8.907.040.122	2.306.732.060
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.217.147.981	1.217.147.981	-
Thuế môn bài	-	26.000.000	26.000.000	-
Thuế nhà thầu	-	302.462.222	141.182.222	161.280.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	182.485.162	5.558.861.537	5.201.090.032	540.256.667
Tổng	9.387.478.002	50.141.625.082	53.241.229.351	6.287.873.733
Phải thu				
Thuế XNK	12.885.259.984	15.603.222.184	4.444.732.276	1.726.770.076
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	44.039.138	-	-	44.039.138
Tổng	12.929.299.122	15.603.222.184	4.444.732.276	1.770.809.214

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	39.966.664.735	33.138.080.284
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	16.856.673.709	14.173.863.670
Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	15.653.370.559	12.737.444.571
Chi phí điện, nước, vận chuyển	6.380.608.250	4.814.051.690
Chi phí phải trả khác	1.076.012.217	1.412.720.353
b) Dài hạn	-	-
Tổng	39.966.664.735	33.138.080.284

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	12.054.922.758	4.899.609.401
Doanh thu nhận trước	12.054.922.758	4.899.609.401
b) Dài hạn	22.869.583.121	22.205.546.226
Doanh thu nhận trước	22.869.583.121	22.205.546.226
Tổng	34.924.505.879	27.105.155.627

5.13 Phải trả khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	21.527.938.855	12.564.627.513
Kinh phí công đoàn	2.306.302.267	2.249.102.875
Bảo hiểm xã hội	942.447.755	252.246.433
Bảo hiểm y tế	1.920.452.105	1.363.151.529
Bảo hiểm thất nghiệp	647.468.034	461.701.176
Phải trả khác	15.711.268.694	8.238.425.500
- Công ty CP May Gia Lai	3.761.748.962	3.607.879.269
- Phải trả công ty CP May Biru Long	1.174.114.171	1.174.114.171
- Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	2.000.000.000	-
- Phải trả khác	8.775.405.561	3.456.432.060
b) Dài hạn	4.794.960.183	6.879.272.774
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam Quan	2.282.470.183	3.423.705.274
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.512.490.000	3.455.567.500
Tổng	26.322.899.038	19.443.900.287

N: O
CÓN
TN
KIỂM
ĐAV
Ổ H

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2017 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.341.689.955.034	1.341.689.955.034	2.860.812.620.782	2.456.060.407.909	936.937.742.161	936.937.742.161
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>1.308.421.956.656</i>	<i>1.308.421.956.656</i>	<i>2.826.348.008.613</i>	<i>2.430.652.840.147</i>	<i>912.726.788.190</i>	<i>912.726.788.190</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND[1]	679.420.741.188	679.420.741.188	1.138.351.979.138	954.718.422.648	495.787.184.698	495.787.184.698
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND (CK)	-	-	256.835.961.040	256.835.961.040	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 [2]	214.278.529.715	214.278.529.715	587.154.534.042	515.785.691.251	142.909.686.924	142.909.686.924
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	-	-	10.053.513.897	21.861.365.914	11.807.852.017	11.807.852.017
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam [3]	925.551.853	925.551.853	107.737.610.254	232.263.713.552	125.451.655.151	125.451.655.151
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh [4]	60.451.798.443	60.451.798.443	125.432.442.801	80.064.969.323	15.084.324.965	15.084.324.965
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Sài Gòn	-	-	-	16.903.807.461	16.903.807.461	16.903.807.461
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) [5]	8.109.876.423	8.109.876.423	60.437.257.850	70.942.175.943	18.614.794.516	18.614.794.516
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	-	-	-	9.324.919.121	9.324.919.121	9.324.919.121
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn [6]	345.235.459.034	345.235.459.034	540.344.709.591	271.951.813.894	76.842.563.337	76.842.563.337
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>33.267.998.378</i>	<i>33.267.998.378</i>	<i>34.464.612.169</i>	<i>25.407.567.762</i>	<i>24.210.953.971</i>	<i>24.210.953.971</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	19.643.040.000	19.643.040.000	19.649.220.000	19.437.572.120	19.431.392.120	19.431.392.120
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND	4.445.672.000	4.445.672.000	5.636.105.791	5.969.995.642	4.779.561.851	4.779.561.851
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - USD	8.027.119.774	8.027.119.774	8.027.119.774	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - VND	1.152.166.604	1.152.166.604	1.152.166.604	-	-	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2017 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn	72.470.398.617	72.470.398.617	47.552.254.987	34.592.178.370	59.510.322.000	59.510.322.000
Từ 12 đến 60 tháng						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD [7]	33.443.185.000	33.443.185.000	-	19.771.465.000	53.214.650.000	53.214.650.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND [7]	5.420.000.000	5.420.000.000	4.760.433.791	5.636.105.791	6.295.672.000	6.295.672.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - USD [8]	3.686.932.675	3.686.932.675	4.844.420.480	1.157.487.805	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - VND [8]	29.920.280.942	29.920.280.942			-	-
			37.947.400.716	8.027.119.774		
Tổng	1.414.160.353.651	1.414.160.353.651	2.908.364.875.769	2.490.652.586.279	996.448.064.161	996.448.064.161

[1] Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014. Hạn mức cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, phát hành thư tín dụng, hạn mức khác là: 800.000.000.000 đồng. Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2015. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Biện pháp bảo đảm là không có tài sản đảm bảo. Hợp đồng cho vay theo hạn mức 01/CV-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014. Hạn mức cho vay là: 800.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời gian rút vốn vay đến hết ngày 30/06/2015, thời hạn vay trên mỗi giấy nhận nợ tối đa là 6 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất thỏa thuận lúc nhận nợ, lãi vay được tính kể từ khi nhận nợ, kỳ tính lãi là từ 26 tháng trước đến 25 tháng tiếp theo. Biện pháp đảm bảo: cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo. Hợp đồng cấp hạn mức phát hành thư tín dụng số 01/TTD-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014, Hạn mức phát hành thư tín dụng là: 800.000.000.000 đồng, thời hạn đến hết 30/06/2015. Hợp đồng hạn mức chiết khấu có truy đòi hối phiếu và bộ chứng từ xuất khẩu số 01/CK-0211/KH/14NH ngày 25/09/2014 đính kèm hợp đồng 0211/KH/14NH ngày 29 tháng 05 năm 2014, lãi suất chiết khấu do hai bên thỏa thuận.

- Phụ lục 02/CV-0211/KH/14NH : Hợp đồng cho vay theo hạn mức ngày 30 tháng 06 năm 2015 đính kèm hợp đồng tín dụng số 0211/KH/14NH ngày 25 tháng 09 năm 2014 : Hạn mức cho vay : 800.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn rút vốn có hiệu lực đến hết ngày 30/06/2015. Thời hạn cho vay được tính theo từng Giấy nhận nợ của từng lần rút vốn tối đa là 06 tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại thời điểm Công ty nhận nợ sử dụng vốn vay. Lãi suất nợ quá hạn áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- Trong năm 2016, Tổng Công ty ký hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV-0101/KHDN2/16NH ký ngày 31/10/2016 giữa NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM và Tổng Công ty May Nhà Bè-CTCP. Hạn mức cho vay tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá Hạn mức cho vay là 800.000.000.000đ, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay được ghi trên Giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ, lãi quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trả nợ gốc và ngày đến hạn được ghi trên Giấy nhận nợ hoặc thời điểm theo văn bản giữa các bên, trả lãi ngày 26 hàng tháng.

- Ngày 19/10/2017 Tổng Công ty ký hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/HĐSĐBS ngày thỏa thuận bổ sung các điều khoản sau : Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng là đến hết ngày 19/01/2018

[2] Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh 4: Hợp đồng tín dụng số 01/2015 - HĐTDHM/NHCT908-NBC ký ngày 16/10/2015. Hạn mức cho vay: Tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 đồng. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ, số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay phát sinh được điều chỉnh bởi hợp đồng tín dụng số 14.043.011.01/2014 - HĐTNHM/NHCT908-NBC ngày 20/10/2014. Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 16/10/2015 đến hết 25/10/2016. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ theo quy định của Bên cho vay. Lãi vay thanh toán hàng tháng vào ngày 25.

Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT908-NBC ký ngày 01/11/2016. Hạn mức cho vay: Tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 01/11/2016 đến hết ngày 01/11/2017. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016-2017. Lãi suất cho vay của khoản nợ được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 14%/năm. Lãi vay thanh toán hàng tháng vào ngày 25.

Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD-SDDBS02/NHCT908-NBC, Tổng Công ty sửa đổi thời hạn duy trì hạn mức là đến hết ngày 01/05/2018.

[3] Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 0151 - HĐTD.VIB625.15 ngày 03/07/2015, với tổng các tiện ích ngắn hạn là 200.000.000.000 VND (hoặc tương đương bằng ngoại tệ khác được VIB chấp nhận) trong đó tổng các tiện ích tín dụng ngắn hạn là: 170.000.000.000 VND, tiện ích tín dụng chứng từ là 200.000.000.000 VND. Thời hạn cấp tín dụng : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay đáp ứng về nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh ngành dệt may của Tổng Công ty. Thời gian của các tiện ích được xem xét lại định kỳ hàng năm, vào thời điểm do VIB toàn quyền quyết định. Lãi suất cho vay bằng chi phí giá vốn cộng biên độ điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật, lãi được thanh toán cuối kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Biện pháp bảo đảm : Công ty cam kết chuyển doanh thu về tài khoản Ngân hàng tối thiểu 10% doanh thu nhưng không thấp hơn 300 tỷ đồng/năm. Doanh thu trực tiếp về tài khoản VIB tối thiểu bằng 30% doanh số giải ngân tại VIB.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng thay thế:

Hợp đồng tín dụng số 0105-HĐTD2.VIB625.16 ngày 03/07/2016 của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn. Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương (bao gồm toàn bộ số dư của hợp đồng tín dụng số 0151-HĐTD2.VIB625.15 ngày 03/07/2015. Cho vay ngắn hạn là 170.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Các khoản vay sẽ được giải ngân với thời hạn tối đa 06 tháng. Tín dụng chứng từ 200.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Mục đích: đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ngành dệt may. Lãi suất, tiền lãi: lãi suất cho vay thả nổi được xác định tại thời điểm giải ngân. Biện pháp đảm bảo: Đối với các tài sản bảo đảm cung cấp cho VIB theo tài liệu vay vốn, VIB và bên vay bảo đảm ký kết các hợp đồng bảo đảm với nội dung và hình thức theo yêu cầu của VIB, thực hiện các thủ tục công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm bổ sung nếu VIB có yêu cầu. Toàn bộ khoản tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sẽ được ưu tiên sử dụng thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm và phần tiền còn lại sẽ được hoàn trả cho bên bảo đảm.

Ngày 03/07/2017, Tổng Công ty ký Hợp đồng thay thế hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương (bao gồm toàn bộ số dư hợp đồng tín dụng số 0105-HĐTD2.VIB625 chuyển sang). Cho vay ngắn hạn hạn mức là 170.000.000.000 VND or ngoại tệ tương đương với thời hạn tối đa 6 tháng. Mục đích để đáp ứng nhu cầu về bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn của hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân / thời điểm điều chỉnh lãi suất.

[4] Ngân hàng Far East National Bank, Chi nhánh TP.HCM, (sau đổi tên thành Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) theo hợp đồng tín dụng số 151017 tháng 05 năm 2015, với tổng hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD, để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn lưu động, tài trợ cho việc sản xuất, gia công hàng xuất khẩu của Tổng Công ty, nhu cầu phát hành thư tín dụng, chiết khấu L/C. Có thời hạn từ ngày 18/06/2015 đến 18/06/2016. Lãi suất cho vay không thấp hơn LIBOR hoặc chi phí vốn của ngân hàng cộng với 1,00%/ năm đối với USD, không thấp hơn chi phí vốn của ngân hàng + 1,00%/năm đối với VND, lãi được tính lũy kế từng ngày và dựa trên cơ sở 360 ngày, giai đoạn tính lãi là 1 tháng, vào ngày 27 hàng tháng. Lãi phạt sẽ tăng lên 5% của khoản tiền lãi phải trả nhưng không quá 150%/năm. Biện pháp bảo đảm là các khoản phải thu và hàng tồn kho.

- Theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 161026 năm 2016. Ngân hàng cấp một khoản tín dụng ngắn hạn trị giá lên đến tổng số tiền vay gốc là 4.000.000 USD hoặc một khoản tương đương bằng đồng Việt Nam. Khoản vay ngắn hạn này sẽ được cấp trong khoảng thời gian kể từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 31/07/2017. Mục đích vay Mục đích nhu cầu phát hành thư tín dụng (L/C) trả ngay và trả chậm của bên vay và nhu cầu vốn lưu động để mua sắm nguyên vật liệu, thanh toán cho nhà cung cấp. Biện pháp đảm bảo: Bên vay bằng hợp đồng này cam kết cung cấp cho ngân hàng biện pháp bảo đảm cho các khoản tiền tương ứng được thực hiện theo hợp đồng dưới mọi hình thức, nhưng không giới hạn, cầm cố hoặc thế chấp các tài sản của mình để ký kết hợp đồng bảo đảm tiền vay và các tài liệu khác như có thể được ngân hàng yêu cầu tại bất kỳ thời điểm nào liên quan đến việc ký kết đăng ký và hoàn tất các tài liệu trên và tiến hành các bước tiếp theo của ngân hàng cho là cần thiết để duy trì biện pháp đảm bảo được cung cấp bởi các tài liệu đó.

-Bản sửa đổi hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 161026-SDBS1 ngày 08/09/2017 sửa đổi thời hạn vay từ ngày ký sửa đổi đến hết ngày 31/08/2018, hạn mức tín dụng để tài trợ các nhu cầu vốn lưu động khác tối đa là 1.000.000 USD.

[5] Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam), Thư cấp hạn mức tín dụng ngày 25/08/2011, được sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm. Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/13-40 ngày 20/04/2013 với Ngân hàng Standard Charter Bank (Vietnam) Limited. Bản sửa đổi thư cấp tín dụng ngày 25/08/2015 số tham chiếu SBFL/15-103 của ngân hàng hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam). Hạn mức tín dụng cho tài trợ thương mại là 3.000.000 USD hoặc là số tiền tương đương bằng loại tiền khác, tài trợ các hạn mức tín dụng kết hợp là 3.000.000 USD hoặc số tiền tương đương bằng loại tiền khác.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[6] Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/93189/HĐTD ngày 03/08/2015, hạn mức cấp tín dụng thường xuyên là: 20.000.000 USD. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động/ bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/07/2016. Lãi suất vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp bảo đảm là **tín chấp**.

- Tổng Công ty ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/93189/HĐTDHM ngày 09/08/2016. Hạn mức tín dụng số tiền 400.000.000.000 VND, hạn mức này bao gồm toàn bộ dư nợ vay, số dư bảo lãnh, số dư số dư L/C, số dư chiết khấu đang còn hiệu lực theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/93189/HĐTD ngày 03/08/2015. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 09/08/2017. Thời hạn cho vay/ thời hạn bảo lãnh/ Thời hạn mở L/C được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể/ cam kết bảo lãnh. Tài sản đảm bảo: **Tín chấp**.

- Ngày ngày 09/08/2017, Tổng Công ty ký văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/93189/HĐTDHM được lập ngày 15/03/2017 các mục sau:

+ Lịch trả nợ : kế hoạch trả nợ và thời điểm tính lãi của từng khoản nợ được xác định tại các hợp đồng tín dụng cụ thể
+ Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn theo quy định tại hợp đồng cụ thể nhưng không vượt quá 150% lãi cho vay trong hạn, lãi chậm trả không được quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả

[7] Vay dài hạn của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, gồm các hợp đồng:

Hợp đồng 0018/ĐTDA/13CD: Đây là khoản vay dài hạn từ ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0018/ĐTDA/13CD ngày 22 tháng 04 năm 2013, với số tiền cam kết cho vay tối đa bằng VND hoặc USD tương đương là 19.950.000.000 VND, trong đó tổng số tiền giải ngân bằng USD tối đa là : 190.373 USD. Nhằm mục đích đầu tư máy móc thiết bị. Thời hạn của khoản vay này là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay VND bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng loại trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 3,6%/năm. Lãi suất cho vay không thấp hơn sản cho vay ngắn hạn áp dụng đối với bên vay và được điều chỉnh 3 tháng một lần. Các khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc thiết bị ngành may trị giá 28.500.000.000 đồng. Phụ lục hợp đồng số 2 ngày 20/01/2014 về lịch trả nợ. Hợp đồng thế chấp thiết bị số 0025/NHNT-TC ngày 22/04/2013, danh sách tài sản được mô tả trong biên bản định giá số 01/BBDG ngày 16/04/2013.

Hợp đồng tín dụng số 0004/ĐTDA/14CD ngày 27 tháng 02 năm 2014, phục vụ cho dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2014. ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM. Tổng số tiền cho vay tối đa bằng VND hoặc USD tương đương 18.072.753.342 VND (tỷ giá quy đổi tỷ giá bán chuyển khoản của USD do bên cho vay công bố tại ngày giải ngân). Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí của dự án. Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 54 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 2,5%/năm, thời gian còn lại thì bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 3 %/năm. Lãi suất USD bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng cuối kỳ cộng với biên độ cố định 2,8%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trả nợ gốc được trả làm 18 kỳ kể từ thời gian ân hạn. Biện pháp bảo đảm tiền vay là thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay của dự án. Hợp đồng thế chấp tài sản số 0010/NHNT-TC ngày 27/02/2014, tài sản đảm bảo được mô tả trong biên bản định giá tài sản số 01-0010/BBDG ngày 03/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng số 0031/ĐTDA/14CD ngày 06 tháng 10 năm 2014, phục vụ cho dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2014 đợt 2, ký với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM. Tổng số tiền cho vay tối đa bằng VND hoặc USD tương đương 5.690.000.000 VND (tỷ giá quy đổi tỷ giá bán chuyển khoản của USD do bên cho vay công bố tại ngày giải ngân) nhưng không vượt quá tối đa 70% tổng mức đầu tư dự án. Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán các chi phí của dự án. Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 54 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 2,5%/năm, thời gian còn lại thì bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ công bố + với biên độ 3%/năm. Lãi suất USD bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng cuối kỳ cộng với biên độ cố định 2,8%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trả nợ gốc được trả làm 18 kỳ kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Biện pháp bảo đảm tiền vay là thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay của dự án. Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0044/NHNT-TC ngày 06/10/2014, biên bản định giá tài sản bảo đảm số 01-0044/BBDG ngày 06/10/2014.

[8] Vay dài hạn của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số : 01/2017-HĐCVĐAT/NHCT908-NBC ngày 21/04/2017. Phương thức cho vay từng lần, số tiền vay không vượt quá 21.300.000.000 VND, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lệ theo quy định. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, lãi trong hạn ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả thì trả lãi theo mức lãi bằng 10%/năm. Thanh toán lãi 1 tháng 1 lần, thanh toán gốc 3 tháng 1 lần (trùng với ngày thanh toán lãi trong tháng đó).

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02/2017-HĐCVĐADDT/NHCT908-NBC giữa Tổng công ty may Nhà Bè với NH TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 04 TP.HCM được lập tại tháng 09/2017. Phương thức cho vay từng lần bằng VND hoặc USD có tổng giá trị không vượt quá 36.000.000.000 VND. Mục đích vay dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lệ và đầu tư tài sản cố định năm 2017 "dự án". Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đầu tiên "ngày giải ngân đầu tiên". Lãi suất cho vay trong hạn ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất có điều chỉnh 3 tháng 1 lần, lãi suất được xác định vào ngày giải ngân khoản vay đó. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7,5%/năm, lãi suất quá hạn trên số dư nợ gốc = 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả lãi = 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Bên vay thanh toán lãi định kỳ 1 tháng 1 lần vào ngày 25 hàng tháng, tháng đầu tiên thanh toán vào ngày cuối cùng của tháng. Nợ gốc thanh toán trên cơ sở kỳ hạn 3 tháng/lần vào ngày trùng với ngày thanh toán lãi. Biện pháp đảm bảo :đảm bảo bằng tài sản dựa trên hợp đồng thế chấp động sản số 02/2017-HĐTC MMTB/NHCT908 (bao gồm toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai là máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư tài sản cố định năm 2017 hai bên đã tạm định giá là 50.000.806.834 VND)

5.15 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Dự phòng quỹ tiền lương	39.860.750.361	39.171.767.442
b) Dài hạn	-	-
Tổng	39.860.750.361	39.171.767.442

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	182.000.000.000	31.399.897.713	75.536.586.261	288.936.483.974
Tăng trong năm	-	-	74.173.702.942	74.173.702.942
Lợi nhuận sau thuế	-	-	74.173.702.942	74.173.702.942
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	57.367.792.494	57.367.792.494
Tạm ứng cổ tức năm 2015	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Quỹ khen thưởng	-	-	8.159.107.324	8.159.107.324
Quỹ phúc lợi	-	-	3.708.685.147	3.708.685.147
Khác	-	-	23	23
Số dư tại 31/12/2016	182.000.000.000	31.399.897.713	92.342.496.709	305.742.394.422
Số dư tại 01/01/2017	182.000.000.000	31.399.897.713	92.342.496.709	305.742.394.422
Tăng trong năm	-	-	74.002.044.917	74.002.044.917
Lợi nhuận sau thuế	-	-	74.002.044.917	74.002.044.917
Giảm trong năm	-	-	57.340.327.189	57.340.327.189
Tạm ứng cổ tức năm 2016	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Quỹ khen thưởng	-	-	8.140.224.940	8.140.224.940
Quỹ phúc lợi	-	-	3.700.102.246	3.700.102.246
Khác	-	-	3	3
Số dư tại 31/12/2017	182.000.000.000	31.399.897.713	109.004.214.438	322.404.112.151

(*) Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 23/17/ĐHCD ngày 10 tháng 04 năm 2017 về việc phân phối lợi nhuận năm 2016.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2017 VND	Tỷ lệ %	01/01/2017 VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	27,69%	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	17.800.000.000	9,78%	17.800.000.000	9,78%
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bom	491.220.000	0,27%	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	113.308.780.000	62,26%	113.308.780.000	62,26%
Tổng	182.000.000.000	100%	182.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	45.500.000.000	45.500.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	31.399.897.713	31.399.897.713
Tổng	31.399.897.713	31.399.897.713

5.17 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.123.967.323.694	3.085.978.518.777
Doanh thu bán thành phẩm	3.084.503.197.857	3.051.808.679.645
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	8.538.083.500	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.926.042.337	34.169.839.132
Các khoản giảm trừ doanh thu	12.519.468.292	17.827.685.241
Chiết khấu thương mại	1.456.279.169	1.731.668.176
Hàng bán bị trả lại	11.063.189.123	16.096.017.065
Doanh thu thuần về bán hàng	3.111.447.855.402	3.068.150.833.536

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán thành phẩm	2.423.890.465.730	2.442.034.884.571
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	2.325.331.333	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	916.508.492	1.178.860.732
Tổng	2.427.132.305.555	2.443.213.745.303

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.342.410.428	993.253.453
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.709.497.952	24.130.638.778
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.750.117.112	28.148.916.276
Tổng	39.802.025.492	53.272.808.507

5.20 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	27.196.296.899	24.729.849.454
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.762.242.285	33.659.383.953
Tổng	37.958.539.184	58.389.233.407

5.21 Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	71.206.450.248	55.785.580.553
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	4.100.467.855	5.691.962.564
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	5.390.637.832	4.980.763.166
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.193.960.081	1.585.223.909
Thuế, phí, lệ phí	114.312.797	96.431.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210.708.308.660	175.619.383.362
Chi phí bằng tiền khác	24.709.008.360	23.376.755.120
Tổng	318.423.145.833	267.136.099.674

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	165.917.241.372	154.343.052.945
Chi phí vật liệu quản lý	14.865.807.609	13.967.077.317
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.050.434.447	6.675.000.682
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.203.814.175	19.989.826.569
Thuế phí và lệ phí	3.945.114.576	1.313.623.662
Chi phí dự phòng	1.578.671.386	742.730.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.821.353.612	40.681.960.517
Chi phí bằng tiền khác	32.899.021.665	35.135.972.298
Tổng	286.281.458.842	272.849.244.910

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.23 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	731.296.269	1.389.043.565
Xử lý chênh lệch gia công	4.742.439	268.024.896
Xử lý công nợ	6.283.800.224	6.613.410.080
Thu nhập từ bồi thường hàng bị cháy	-	1.099.290.304
Thu nhập từ đào tạo	-	244.400.000
Khác	1.025.336.840	270.292.715
Tổng	8.045.175.772	9.884.461.560
Chi phí khác		
Giá vốn hàng bị cháy	-	1.151.378.182
Phạt vi phạm	242.097.960	108.622.541
Khác	721.598.182	411.858.278
Tổng	963.696.142	1.671.859.001
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	7.081.479.630	8.212.602.559

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	88.535.911.110	88.047.921.307
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	6.842.917.806	6.142.094.854
Chi phí không được trừ	5.702.724.145	5.454.722.309
Chi phí khấu hao vượt định mức	893.675.000	578.750.004
Các khoản phạt	242.097.960	108.622.541
Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá	4.420.701	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	22.709.497.952	24.818.924.336
Thu nhập từ nhận cổ tức	22.709.497.952	24.130.638.778
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	688.285.558
Thu nhập chịu thuế	72.669.330.964	69.371.091.825
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	14.533.866.193	13.874.218.365

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.341.697.954.131	1.447.187.464.867
Chi phí nhân công	674.449.225.832	709.963.852.318
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.368.784.332	59.607.057.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	916.894.586.437	732.295.217.211
Chi phí khác bằng tiền	38.426.359.497	34.145.498.485
Tổng	3.031.836.910.229	2.983.199.089.887

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan****Giao dịch với các bên có liên quan****Giao dịch bán hàng trong năm**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	205.205.542	782.585.199
		Khác	-	156.482.415
		Nguyên phụ liệu	263.476.793	103.209.018
		Quần áo	4.112.153.685	2.833.842.449
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty LD, liên kết	Điện, nước, thuê máy	28.652.000	31.824.000
		Gia công	-	281.417.701
		Nguyên phụ liệu	23.064.363	98.898.175
		Quần áo	106.456.275	452.891.818
		Khác	10.839.000	-
		Thiết bị các loại	115.001.852	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Quần áo	-	87.884.093
		Điện, nước, thuê máy	64.597.045	278.739.950
		Tiền thuê nhà	379.782.629	395.056.384
		Thiết bị các loại	34.016.727	-
		Khác	18.844.000	120.277.817
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	-	2.400.000
		Khác	23.806.727	176.193.720
		Quần áo	13.636.400	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch bán hàng trong năm (Tiếp)**

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	5.517.850	113.682.000
		Nguyên phụ liệu	-	37.009.118
		Tiền thuê nhà	264.242.700	-
		Khác	4.340.909	-
		Phí vận chuyển	-	7.300.000,00
		Chi phí XNK	-	3.936.364
		Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Điện, nước, thuê máy
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty LD, liên kết	Quần, áo	3.927.264	21.605.411
		Chi phí XNK	-	20.151.360
		Khác	119.282.253	31.660.984
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Quần áo	23.270.455	-
		Khác	7.100.000	-
Công ty CP May Hậu Giang - Nhà Bè	Công ty con	Điện, nước, thuê máy	1.700.000	5.496.000
		Khác	28.875.000	7.034.455
		Nguyên phụ liệu	285.894.800	258.719.400
		Chi phí xuất nhập khẩu	-	9.362.600
		Quần Áo	1.094.426.995	-
		Quần áo	22.985.455	75.986.428
		Điện, nước, thuê máy	11.100.000	3.060.000
Nguyên Phụ Liệu	34.448.863	2.801.850		
		Chi phí xuất nhập khẩu	-	5.500.000
		Thiết bị các loại	7.737.025.237	3.094.375.625
		Khác	70.384.424	9.220.542

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch bán hàng trong năm (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty CP May Phú Thịnh-NB	Công ty LD, liên kết	Điện, nước, thuê máy	-	29.370.000
		Quần áo	-	53.809.091
		Gia công	-	5.090.920
		Khác	7.550.000	-
Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Quần áo	166.763	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	36.293.947	-
		Tiền thuê nhà	299.640.000	-
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Thiết bị các loại	-	-
		Điện, nước, thuê máy	(1.800.000)	1.800.000
		Phí vận chuyển	-	50.653.392
		Nguyên phụ liệu	1.157.809	-
		Thuê nhà	445.283.785	299.553.785
		Khác	(3.098.949)	60.869.947
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty con	Thiết bị các loại	24.812.271.421	-
		Quần áo	990.909	-
		Khác	240.983.142	-
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Gia công	24.915.000	2.020.289.093
		Nguyên phụ liệu	123.287.606	630.228
		Thiết bị các loại	47.687.700	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Du lịch NBC	Công ty LD, liên kết	Điện, nước, thuê máy	11.528.140	98.074.705
		Tiền thuê nhà	39.215.000	284.436.580
		Thiết bị các loại	67.335.000	3.636.364
		Khác	24.000.000	25.024.691

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch bán hàng trong năm (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty Cổ phần May Bình Thuận-NB	Công ty con	Quần áo	1.502.747.177	965.163.828
		Thiết bị các loại	-	9.818.182
		Khác	37.804.690	4.607.820
		Nguyên Phụ Liệu	706.154	-
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty con	Quần áo	15.179.868.990	13.330.185.141
		Nguyên Phụ Liệu	-	18.041.770
Công ty CP Thương Mại Bán Lê Nhà Bè	Công ty đầu tư khác	Tiền thuê nhà	323.332.020	328.032.774
		Khác	21.896.000	8.296.000
		Điện, ăn, nước, thuê máy	57.892.604	75.933.182
		Quần áo	11.059.639	-
		Nguyên Phụ Liệu	88.082.350	-
Công Ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	-	4.390.909
Công Ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Tiền thuê nhà	359.713.650	223.928.146
		Quần áo	35.145.456	33.027.273
		Khác	44.040.419	10.914.000
		Điện, ăn, nước, thuê máy	37.790.042	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua hàng trong năm**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty CP May Phú Thịnh-NB	Công ty LD, liên kết	May gia công	1.097.110.383	4.024.994.714
		Thiết bị các loại	3.200.000	-
		Công cụ, dụng cụ	46.200.000	-
		Khác	10.248.545	-
Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Thương mại dịch vụ Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	Phí vận chuyển	48.222.390.850	57.673.196.352
		Khác	101.621.323.096	412.628.347
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	Sửa chữa	-	54.713.740
		Gia công quần áo	15.558.339.844	12.374.989.370
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Gia công quần áo	72.963.657.386	46.599.908.671
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Gia công quần áo	29.571.047.064	38.304.666.375
Công ty CP May Bình Thuận-NB	Công ty con	Phí vận chuyển	40.480.830	-
		Gia công quần áo	27.015.132.163	25.978.440.005
		Hoa hồng đại lý	105.899.045	-
		Khác	165.174.400	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Gia công quần áo	45.928.166.580	30.143.037.185
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty con	Công cụ dụng cụ	-	-
		Gia công quần áo	9.114.588.723	4.441.976.308
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Gia công quần áo	89.704.965.663	54.488.981.031
Công ty CP TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Khác	3.000.000	-
		Gia công quần áo	1.967.989.018	3.193.129.987
		Phí vận chuyển	30.287.653	1.860.660.463
		Khác	14.385.308.698	-
		Thiết bị các loại	1.813.206.720	-
		Công cụ, dụng cụ	201.819.209	-
		Văn Phòng Phẩm	604.520	-
Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Bè	Công ty con	Nhập mua	-	31.992.496
Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Bè	Công ty con	Gia công	1.438.851.675	-
		Khác	48.595.500	-

TỔNG CÔNG TY MÁY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua hàng trong năm (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty Cổ Phần Truyền Thông và Du lịch NBC	Công ty LD, liên kết	Công cụ dụng cụ, thiết bị các loại	254.158.065	1.745.988.329
		Dịch vụ bảo trì máy vi tính	-	862.197.750
		Duy trì web và Cung cấp thiết bị	-	84.000.000
		Vận chuyển và cung cấp dịch vụ	2.383.400	1.186.410.886
		Quảng cáo và VPP	327.381.333	1.678.540.000
		Thi công gian hàng hội chợ	-	57.534.900
		Thi công các công trình, và CC DV sửa chữa	382.456.523	2.508.766.779
		Công cụ dụng cụ	579.115.900	603.729.395
		Khác	1.674.132.079	-
		Công ty CP Tư vấn Công Nghệ NB	Công ty LD, liên kết	CCDC và NVL
Tài sản cố định	-			3.272.447.000
Dịch vụ bảo trì máy vi tính	1.600.000			144.800.000
Khác	47.850.000			-
Thiết bị các loại	36.345.919.770			-
Văn Phòng Phẩm	14.022.000			-
Sửa chữa	13.300.000			-
Công ty CP Xây Lắp CN Nhà Bè	Công ty LD, liên kết	CCDC	15.500.000	67.790.900
		Mua NVL	-	1.324.636.480
		Thiết bị các loại	5.843.269.926	-
		Xây dựng cơ bản dở dang, khác	-	255.240.001
		Sửa chữa	12.135.501.607	205.405.977
		Khác	535.547.356	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch mua hàng trong năm (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty con	Gia công	10.650.700.432	-
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty con	Gia công	3.654.733.676	4.814.532.307
		Máy móc thiết bị	18.715.705.995	10.981.777.537
		Khác	242.453.046	-
Công ty Cổ phần May Hậu Giang	Công ty con	Gia công	72.208.642.515	38.241.726.832
		Máy móc thiết bị	-	3.148.107.984
Công ty TNHH May Vinatex Thuận Nghĩa	Công ty LD, liên kết	Nhập gia công	-	735.848.990
Công Ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty đầu tư khác	khác	633.011.436	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty con	Phải thu khác	20.519.191.781	-
Công ty CP May An Nhơn	Công ty con	Phải thu khác	916.360.718	916.360.718
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Phải thu khác	403.310.873	403.310.873
Công ty Cổ Phần TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	-	3.068.940.817
Công ty Cổ Phần May Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng	60.517.233.842	51.463.064.719
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Phải thu khách hàng	715.171.906	66.914.280
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty con	Phải thu khách hàng	26.683.331.045	14.662.588.655
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khác	19.428.576.799	12.000.000.000
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Phải thu khách hàng	7.390.169.860	-
Công ty CP Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	93.577.193	143.092.862
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	54.934.000	-
Công ty CP Xây Lấp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	45.734.425	20.252.430
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	5.484.800	4.464.000
Công ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	43.136.500	157.132.580
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	59.269.914	59.276.448
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	8.481.939.054	5.589.808.475
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Phải trả người bán	6.087.164.354	6.836.575.714
Công ty CP May An Nhơn	Công ty con	Phải trả người bán	3.640.723.706	3.584.114.476
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Phải trả người bán	4.573.178.163	7.105.465.310
Công ty Cổ Phần Thương Mại Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	1.061.657.408	601.740
Công ty Cổ Phần TM Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	60.038.573	150.368.702
Công ty Cổ Phần May Gia Lai	Công ty con	Phải trả người bán	11.612.883.727	9.466.548.521
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Phải trả người bán	12.519.303.216	15.028.832.427
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty con	Phải trả người bán	6.211.407.859	-
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Phải trả người bán	9.183.944.951	9.956.969.653
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	3.038.400	-
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	-	6.688.000

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	-	62.591.402
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	1.678.693.895	1.082.587.883
Công ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	-	1.549.169.065
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	344.990	809.399.390
Công Ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty con	Phải trả người bán	9.173.315.480	-
Công ty Cổ Phần May Gia Lai	Công ty con	Phải trả khác	521.000.000	521.000.000
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Trả trước cho người bán	24.673.585	-
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty con	Trả trước cho người bán	5.334.240.606	3.131.618.297
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Trả trước cho người bán	11.800.000.000	-
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Trả trước cho người bán	-	1.836.556.028
Công ty CP Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Trả trước cho người bán	25.000.000	25.000.000
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Trả trước cho người bán	-	1.869.597.138
Công ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Trả trước cho người bán	160.213.485	-
Công ty Cổ Phần TM. Dệt May Nhà Bè	Công ty con	Người mua trả tiền trước	5.194.052	478.708.302
Công ty Cổ Phần May Gia Lai	Công ty con	Người mua trả tiền trước	3.761.748.962	3.607.879.269
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Người mua trả tiền trước	222.000.000	-
Công ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Người mua trả tiền trước	28.691.998	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.977.942.158	46.203.334.462
Phải thu khách hàng và phải thu khác	735.677.945.461	428.144.795.945
Đầu tư tài chính dài hạn	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	841.185.887.619	475.878.130.407
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.414.160.353.651	996.448.064.161
Phải trả người bán và phải trả khác	307.722.844.769	251.194.083.630
Chi phí phải trả	39.966.664.735	33.138.080.284
Tổng	1.761.849.863.155	1.280.780.228.075

Các loại công cụ tài chính

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

N:
CÔ
TN
KIỂM
AV
HÀ

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, Tổng Công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, Công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	301.904.830.086	5.818.014.683	307.722.844.769
Chi phí phải trả	39.966.664.735	-	39.966.664.735
Các khoản vay	1.341.689.955.034	72.470.398.617	1.414.160.353.651
Tổng	1.683.561.449.855	78.288.413.300	1.761.849.863.155
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	243.939.213.822	7.254.869.808	251.194.083.630
Chi phí phải trả	33.138.080.284	-	33.138.080.284
Các khoản vay	936.937.742.161	59.510.322.000	996.448.064.161
Tổng	1.214.015.036.267	66.765.191.808	1.280.780.228.075

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.977.942.158	-	103.977.942.158
Phải thu khách hàng và phải thu khác	713.205.116.789	22.472.828.672	735.677.945.461
Đầu tư tài chính khác	-	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	817.183.058.947	24.002.828.672	841.185.887.619
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.203.334.462	-	46.203.334.462
Phải thu khách hàng và phải thu khác	412.104.746.366	16.040.049.579	428.144.795.945
Đầu tư tài chính khác	-	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	458.308.080.828	17.570.049.579	475.878.130.407

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Phát

Thân Phạm Tiến

Nguyễn Ngọc Lân